TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HC-PT
Ngày: 05/02/2026
V/v: "Khiếu kiện Thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại kiến nghị về đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hoà**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

bà **Trần Thị Kim Liên**

***- Thư ký phiên tòa**:* ông **Nguyễn Thành An**, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** bà **Bùi Ngô Yến Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 09/2025/TLPT- TA ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc: *"Khiếu kiện Thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại kiến nghị về đất đai".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2025/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà) bị người khởi kiện kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Bà Phạm Thị X - sinh năm 1983. Có mặt

2. Ông Phạm Văn H - sinh năm 1988. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã T, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn H*, bà* Phạm Thị X*:* Ông Trần Thanh S – sinh năm 1959; Địa chỉ: A đường L, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường P, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND huyện T.

2. Chủ tịch UBND xã P, huyện T.

3. UBND xã P, huyện T.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Khánh Hoà. Ông Nguyễn Tấn L-Phó chủ tịch UBND xã T. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn N1 - sinh năm 1945

2. Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn N1*:* Ông Trần Thanh S, sinh năm 1959; Địa chỉ: A đường L, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường P, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện - ông Trần Thanh S - *trình bày:*

Vào năm 1986, cả hộ gia đình ông Phạm Văn N1 (cha ruột Phạm Văn H và Phạm Thị X); cư ngụ tại thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận di dân vào khu vực kinh tế mới thôn L, xã P, huyện N (nay là huyện T), tỉnh Ninh Thuận theo chủ trương của Chính P. Sau khi di dân vào ổn định, Ban sản xuất kinh tế mới có giao cho gia đình một lô đất để sản xuất ổn định cuộc sống, an cư lập nghiệp. Năm 2001 tình hình chăn nuôi bò, dê, cừu phát triển mạnh trên địa bàn xã P, hộ gia đình ông N1 phát hoang mở rộng thêm diện tích khoảng 02 hec ta (20.000 m2) phần diện tích đất rừng chồi có nhiều cây lùm bụi mới tái sinh phát dọn đưa vào sản xuất thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 44, loại đất hoang đồng bằng theo Bản đồ địa chính xã P lô đất (ABEF).

Tại thời điểm khai hoang hộ gia đình ông N1 có 10 thành viên gồm: Ông Phạm Văn N1 (chủ hộ), bà Nguyễn Thị S1 (vợ), các con ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn D, ông Phạm Văn N2, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn L1, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị N3, ông Phạm Văn H cùng địa chỉ: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Năm 2000, sau khi lập gia đình cùng ông Nguyễn Ngọc H1, bà X được ông Phạm Văn N1, bà Nguyễn Thị S1 có cho một lô đất với diện tích 10.000 m2 (01 ha) thuộc một phần thửa đất số 01. Bà X và ông H1 tiến hành xây nhà tạm diện tích xây dựng 15, 96 m2 diện tích còn lại trồng cây lâu năm, hằng năm như: dừa, xoài, mãng cầu, trồng cỏ, làm chuồng bò để chăn nuôi dê, bò, cừu ổn định lâu dài cho đến nay 24 năm không ai khiếu nại tranh chấp.

Ngoài thửa đất này gia đình bà X không còn đất nào khác. Năm 2021, bà X làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2016, ông Phạm Văn H lập gia đình và có 01 con không có đất để sản xuất, chăn nuôi. Cha mẹ ông Phạm Văn N1, bà Nguyễn Thị S1 có cho ông H một lô đất với diện tích 10.000 m2 (01 ha) thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 44 xã P là đất là loại đất hoang đồng bằng (Hg/b). Sau khi nhận tặng cho, ông H tiến hành xây dựng nhà tạm diện tích xây dựng 20 m2 diện tích còn lại trồng cây lâu năm, hằng năm như: dừa, xoài, mãng cầu, trồng cỏ, làm chuồng bò để chăn nuôi dê, bò, cửu ổn định lâu dài cho đến nay không ai khiếu nại tranh chấp. Ngoài thửa đất này gia đình ông H không còn đất nào khác. Năm 2021, ông H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 15/07/2021, ông N1 đã làm đơn kiến nghị gửi UBND huyện T đến ngày 25/10/2021, UBND huyện T ban hành Văn bản số 3719/UBND–TCD có nội dung như sau: "*Trường hợp ông* Phạm Văn N1 *có nhu cầu sử dụng đất thì liên hệ với* UBND Xã P *để lập thủ tục xin giao đất hoặc thuê đất theo quy định*". Thực hiện theo nội dung Văn bản số 3719/UBND–TCD như đã nêu trên.

Ngày 25/08/2022, ông H và bà X làm đơn xin xác nhận nguồn gốc đất để làm thủ tục xin được cấp GCNQSDĐ nhưng không được UBND xã P trả lời.

Ngày 25/10/2022, ông H và bà X tiếp tục làm đơn đề nghị UBND xã P nguồn gốc đất mà ông bà đang trực tiếp quản lý, canh tác và sử dụng ổn định từ năm 2016 cho đến thời điểm hiện tại (8 năm) để làm tiền đề cho việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn không được sự trả lời của Ủy ban nhân dân xã P.

Ngày 03/01/2023, ông H và bà X tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND xã P về hành vi không thực hiện thủ tục hành chính về việc xác nhận nguồn gốc đất theo đơn ngày 25/10/2022.

Ngày 20/04/2023, ông H và bà X làm đơn khiếu nại hành vi hành chính "*không thực hiện hành vi xác nhận nguồn gốc sử dụng đất; không giải quyết khiếu nại theo thời gian luật định*" (gửi Chủ tịch UBND xã P). Ngày 15/07/2023, ông H làm đơn khiếu nại về việc: "*Không thực hiện hành vi xác nhận nguồn gốc sử dụng đất; không giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật*" gửi đến Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 24/08/2023 ông H nhận được Thông báo số 58/UBND–TB và bà X nhận được Thông báo số 59/UBND–TB do Chủ tịch UBND Xã P ban hành về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị X. Ngày 21/09/2023 ông H, bà X làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện T đề nghị hủy Thông báo số 58/ UBND–TB ngày 24/08/2023 và Thông báo số 59/UBND–TB của Chủ tịch UBND Xã P. Ngày 19/10/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành văn bản số 3559/UBND–TCD trả lời: "*Việc ông* Phạm Văn H*, bà* Phạm Thị X *đề nghị hủy Thông báo số 58, Thông báo số 59 của Chủ tịch* UBND Xã P *và chỉ đạo Chủ tịch* UBND Xã P *thực hiện việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông* H*, bà* X *là không có cơ sở để xem xét giải quyết*".

Xét thấy, Văn bản số 3559/UBND–TCD ngày 19/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện T và Thông báo số 58/UBND–TB ngày 24/08/2023 của Chủ tịch

UBND Xã P" đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông H và bà X. Do đó ông H và bà X làm đơn khởi kiện với lý do:

– UBND xã P không xác nhận đơn xin xác nhận nguồn gốc đất của hộ bà Phạm Văn H lập ngày 25/08/2022 và ngày 25/10/2022 là hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 điều 70 Nghị định số 43/NĐ– CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

– UBND huyện T không xem xét đúng, toàn diện và không khách quan vụ việc nên không hủy bỏ Thông báo số 58/UBND–TB ngày 24/8/2023 của UBND xã P đã làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi.

Yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện như sau:

- Hủy toàn bộ Văn bản số 3559/UBND-TCD ngày 19/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc: "Thông tin đơn của ông/bà Phạm Văn H và Phạm Thị X".

- Hủy toàn bộ Thông báo số 58/UBND-TB và Thông báo số 59/UBND-TB cùng ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND xã P về việc "Không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị X".

- Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã P nguồn gốc thửa đất có diện tích 02 ha thể hiện tại Quyết định 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện N (Nay là chủ tịch UBND huyện T) theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Người đại diện theo uỷ quyền của Người bị kiện - Uỷ ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T *trình bày:*

Sau khi thông qua ý kiến của lãnh đạo UBND xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, đại diện cho phía người bị kiện có ý kiến như sau:

– Về quá trình giải quyết vụ việc:

a) Kết quả rà soát của UBND xã P

Theo hồ sơ địa chính xã P được đo đạc xác lập năm 1996 (Bản đồ địa chính, Số mục kê đất đai) đang được lưu trữ tại UBND xã P: Vị trí, thửa đất mà ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X khiếu kiện thuộc một phần thửa đất số 01, tờ Bản đồ địa chính số 41+44, xã P; sau khi đối chiếu Bản đồ địa chính số 41+44 xã P và Sổ mục kê đất đai (được xác lập ngày 05/3/1999), tại thửa đất số 01, thuộc tờ Bản đồ địa chính số 41+44, xã P, Bản đồ ghi: Hoang, sổ mục kê ghi: Nông trường Q có tổng diện tích 323.902 m². Trong đó, phần diện tích 02 ha (ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X yêu cầu xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng sử dụng đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đã được Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 giải quyết tranh chấp giữa ông Phạm Văn N1 và bà Lương Thị L2 với nội dung: Công nhận cho hộ bà Lượng Thị L3 được quyền sử dụng lô đất có diện tích 10.000 m² (hiện nay, ông Hồ Tấn H2 đã nhận thừa kế QSD đất) và đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất; Còn lại thửa đất 02 ha nằm về phía Tây, giao cho UBND xã P quản lý.

Trong quá trình Ủy ban nhân dân xã P quản lý diện tích đất này, hộ ông Phạm Văn N1 có tác động vào đất để xây dựng nhà, công trình trên đất (Phạm Văn

N4, Phạm Văn H, Phạm Thị X). Ủy ban nhân dân xã P đã lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các cá nhân là con ruột ông Phạm Văn N1 (Quyết định 116/QĐ–XPVPHC ngày 14/9/2016 đối với ông Phạm Văn N4: Quyết định số 14/QĐ–XPVPHC ngày 26/7/2021 đối với ông Phạm Văn H); đồng thời tham mưu, đề xuất UBND huyện T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 trường hợp (Quyết định số 863/QĐ–UBND ngày 13/5/2021 đối với bà Phạm Thị X; Quyết định 944/QĐ–UBND ngày 02/6/2021 đối với ông Phạm Văn H).

Sau đó, ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X có làm đơn đề nghị xác định nguồn gốc đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X nhưng không được Ủy ban nhân dân xã P. Ngày 03/01/2023, ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X tiếp tục làm đơn khiếu nại có nội dung: "Khiếu nại hành vi không thực hiện việc xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất ... của Chủ tịch UBND xã P".

Qua xác minh, Ủy ban nhân dân xã P đã ban hành thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H (Thông báo số 58/UBND–TB ngày 24/8/2023) và thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị X (Thông báo số 59/UBND–TB ngày 24/8/2023) với lý do: Diện tích đất đai mà ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X (Con ruột của ông Phạm Văn N1) có đơn khiếu nại: "không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại và nội dung khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai" đối với ông Phạm Văn N1 đang thường trú tại thôn L, xã P, huyện T.

b) Quá trình giải quyết của UBND huyện T:

Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện có tiếp nhận đơn (ghi ngày 21/9/2023) đồng ký đơn của ông/bà: Phạm Văn H và Phạm Thị X cư ngụ tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, có nội dung: Khiếu nại đối với Thông báo số 58/TB–UBND ngày 24/8/2023 và Thông báo số 59/TB–UBND ngày 24/8/2023 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã P; đề nghị hủy Thông báo số 58/TB–UBND ngày 24/8/2023 và Thông báo số 59/TB–UBND ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND xã P. Đồng thời, chỉ đạo Chủ tịch UBND xã P thực hiện việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của gia đình chúng tôi theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình rà soát cho thấy:

Việc tranh chấp đất đai giữa hộ bà Lương Thị L2 với hộ ông ông Phạm Văn N1 tại thôn L, xã P đã được Chủ tịch UBND huyện N giải quyết tại Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004, có nội dung: "Công nhận cho hộ bà Lương Thị L2 được quyền sử dụng lô đất có diện tích 10.000m², 9 có vị trí nằm về hướng Đông của lô đất tranh chấp: giao lô đất tranh chấp còn lại có diện tích 2 ha, có vị trí nằm về hướng Tây trong khu vực đất tranh chấp cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý; Ủy ban nhân dân xã P có trách nhiệm quản lý số diện tích thửa đất nêu trên, đồng thời xem xét kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện giao cho những hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện và có nhu cầu về đất sản xuất".

Sau đó, ông Phạm Văn N1 không đồng ý nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND huyện N, ông gửi đơn đến UBND tỉnh và đã được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 1403/QĐ ngày 27/5/2005, có nội dung: "Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Phạm Văn N1 đối với Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện N "V/v giải quyết vụ tranh chấp đất sản xuất giữa hộ bà Lương Thị L2 với hộ ông Phạm Văn N1 tại thôn L, xã P, huyện N", vì: Quyết định đúng thẩm quyền, nội dung giải quyết đúng pháp luật, phù hợp với thực tế việc sử dụng đất của các hộ. Giao trách nhiệm cho UBND huyện N và UBND xã P tiếp tục tổ chức thực hiện Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện N.

Ngày 15/7/2021, ông Phạm Văn N1 có Đơn kiến nghị gửi Hội đồng nhân dân huyện: Yêu cầu giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất đã được gia đình khai hoang năm 1986. Tháng 7/2021, Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành Công văn số 29/CV–HĐND chuyển đơn đến UBND huyện để xem xét, giải quyết theo quy định. Trên cơ sở đó, ngày 16/8/2021 UBND huyện ban hành Công văn số 2686/UBND–TCD về việc thông tin đơn kiến nghị của ông Phạm Văn N1, có nội dung: "Từ những cơ sở trên, việc kiến nghị của ông Phạm Văn N1 không có cơ sở xem xét. Để công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải căn cứ vào nguồn gốc, thời điểm sử dụng, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch được UBND xã P theo thẩm quyền quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ–CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai".

Tiếp tục ngày 20/8/2021, ông Phạm Văn N1 có Đơn kiến nghị (lần 2) với nội dung không đồng ý với Văn bản trả lời của UBND huyện T (Công văn số 2686/UBND–TCD ngày 16/8/2021). Ngày 25/8/2021, Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành Công văn số 42/HĐND–TH chuyển đơn đến UBND huyện để xem xét, giải quyết theo quy định. Ngày 25/10/2021, U Công văn số 3719/UBND–TCD về việc thông tin nội dung đơn của Phạm Văn N1, có nội dung: "Ủy ban nhân dân huyện đã có Văn bản số 2686/UBND–TCD ngày 16/8/2021 thông tin đơn kiến nghị của ông Phạm Văn N1 với nội dung: "Việc kiến nghị của ông Pham Văn N5 không có sở xem xét; Để công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất phải căn cứ vào nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch được Ủy ban nhân dân xã P theo thẩm quyền quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ–CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai";:...trường hợp ông Phạm Văn N1 có nhu cầu sử dụng đất thì đề nghị ông liên hệ với UBND xã P để lập thủ tục xin giao đất hoặc thuê đất theo quy định". Ngày 03/01/2023, ông/bà: Phạm Văn H và Phạm Thị X (con ruột ông Phạm Văn N1) có Đơn khiếu nại hành vi không thực hiện việc xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất...của Chủ tịch UBND xã P. Ngày 24/8/2023, UBND xã P ban hành Thông báo số 58/TB–UBND và Thông báo số 59/TB–UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại, có nội dung: "Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011 và các tài liệu lưu trữ liên quan đất đai tại UBND xã P, Ủy ban nhân dân xã P nhận thấy đơn khiếu nại của

ông/bà: Phạm Văn H và Phạm Thị X không đủ điều kiện thụ lý giải quyết, vì lý do sau đây: Diện tích đất đai mà ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X có đơn khiếu nại "không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại và nội dung khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Phạm Văn N1 (cha ruột ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X) đang thường trú tại thôn L, xã P, huyện T. Căn cứ kết quả giải quyết tại các văn bản: Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết vụ tranh chấp đất sản xuất giữa hộ bà Lương Thị L2 với hộ ông Phạm Văn N1 tại thôn L, xã P, huyện N (nay thuộc địa giới hành chính huyện T); Quyết định số 1403/QĐ ngày 27/5/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết Đơn khiếu nại của ông Phạm Văn N1 đối với Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện N".

Trong quá trình UBND xã P quản lý diện tích đất 02ha (tại Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004) hộ ông Phạm Văn N1 có tác động vào đất để xây dựng nhà tạm, công trình sản xuất nông nghiệp trên đất (Phạm Văn N4, Phạm Văn H, Phạm Thị X).

UBND xã P đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các cá nhân là con ruột ông Phạm Văn N1 (tại Quyết định 116/QĐ–XPVPHC ngày 14/9/2016 đối với ông Phạm Văn N4; Quyết định số 14/QĐ–XPVPHC ngày 26/7/2021 đối với ông Phạm Văn H); UBND huyện đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phạm Thị X (tại Quyết định số 863/QĐ–XPVPHC ngày 13/5/2021) và đối với ông Phạm Văn H (tại Quyết định 944/QĐ–XPVPHC ngày 02/6/2021).

Như vậy, qua kết quả giải quyết vụ việc nêu trên thì:

(1) Vụ việc tranh chấp đất đai giữa hộ bà Lương Thị L2 với hộ ông Phạm Văn N1 tại thôn L, xã P đã được Chủ tịch UBND huyện N giải quyết tại Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 và Chủ tịch UBND tỉnh đã giải quyết tại Quyết định số 1403/QĐ ngày 27/5/2005, có nội dung: Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Phạm Văn N1 đối với Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện N "V/v giải quyết vụ tranh chấp đất sản xuất giữa hộ bà Lương Thị L2 với hộ ông Phạm Văn N1 tại thôn L, xã P, huyện N", vì: Quyết định đúng thẩm quyền, nội dung giải quyết đúng pháp luật, phù hợp với thực tế việc sử dụng đất của các hộ. Giao trách nhiệm cho UBND huyện N và UBND xã P tiếp tục tổ chức thực hiện Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của 5 Chủ tịch UBND huyện N, Quyết định này là quyết định có hiệu lực thì hành cuối cùng. Ủy ban nhân dân tỉnh chấm dứt việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hỏ ông Phạm Văn N1 với hộ bà Lương Thi L4 theo nôi dung Điều 1 Quyết định:

(2) UBND xã P ban hành Thông báo số 58/TB–UBND và Thông báo số 59/TB–UBND ngày 24/8/2023 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với ông Phạm Văn H và bà Pham Thi X1 là đúng thẩm quyền quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các cá nhân là con ruột ông Phạm Văn N1 (tại Quyết định 116/QĐ–XPVPHC ngày 14/9/2016 đối với ông Phạm Văn N4; Quyết định số 14/QĐ–XPVPHC ngày 26/7/2021 đối với ông Phạm Văn H); UBND

huyện đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phạm Thị X (tại Quyết định số 863/QĐ–XPVPHC ngày 13/5/2021) và đối với ông Phạm Văn H (tại Quyết định 944/QĐ–XPVPHC ngày 02/6/2021).

Hiện tại, các ông/bà vẫn chưa chấp hành hình thức xử phạt chính và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Do vậy, việc ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X đề nghị hủy Thông báo số 58/TB–UBND và Thông báo số 59/TB–UBND ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND xã P và chỉ đạo Chủ tịch UBND xã P thực hiện việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông/bà là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Văn bản số 3559/UBND–TCD ngày 19/10/2023 thông tin đơn của ông/bà: Phạm Văn H và Phạm Thị X.

Người bị kiện - Chủ tịch và UBND xã P *trình bày:*

a) Kết quả nguồn gốc về diện tích đất: UBND xã thống nhất như ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND huyện T.

b) Kết quả giải quyết liên quan diện tích đất:

– Sau khi Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004, ông Phạm Văn N1 không đồng ý nội dung giải quyết của chủ tịch UBND huyện N, tiếp tục gửi đơn lên UBND tỉnh N và được UBND tỉnh giải quyết tại Quyết Định số 1403/QĐ–UBND ngày 27/5/2005, giữ nguyên kết quả giải quyết tại Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của UBND huyện N.

Trong quá trình UBND xã P quản lý diện tích đất này, hộ ông Phạm Văn N1 có tác động vào đất để xây dựng nhà, công trình trên đất (Phạm Văn N4, Phạm Văn H, Phạm Thị X).

UBND xã P đã lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các cá nhân là con ruột ông Phạm Văn N1 (Quyết định 116/QĐ–XPVPHC ngày 14/9/2016 đối với ông Phạm Văn N4; Quyết định số 14/QĐ–XPVPHC ngày 26/7/2021 đối với ông Phạm Văn H); Tham mưu, đề xuất UBND huyện T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 trường hợp (Quyết định số 863/QĐ–UBND ngày 13/5/2021 đối với bà Phạm Thị X; Quyết định 944/QĐ–UBND ngày 02/6/2021 đối với ông Phạm Văn H). Hiện nay, các cá nhân này chưa chấp hành nộp phạt và khắc phục hậu quả.

– Ngày 16/8/2021, Ủy ban nhân dân huyện T đã có văn bản số 2686/UBND–TCD ngày 16/8/2021 về thông tin đơn kiến nghị của ông Phạm Văn N1 với nội dung: " Việc kiến nghị của ông Phạm Văn N1 không có cơ sở xem xét giải quyết; Để công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất phải căn cứ vào nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp quy hoạch được UBND xã P theo thẩm quyền quy định tại Điều 70 Nghị định 43/201/NĐ–CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai"; Văn bản số 3719/UBND–TCD ngày

25/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thông tin nội dung đơn của ông Phạm Văn N1.

Căn cứ kết quả tại các văn bản: Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết vụ tranh chấp đất sản xuất giữa hô bà Lương Thi L4 với hộ ông Phạm Văn N1 tại thôn L, xã P, huyện N (nay thuộc địa giới hành chính huyện T); Quyết định số 1403/QĐ ngày 27/5/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết Đơn khiếu nại của ông Phạm Văn N1 đối với Quyết định số 1429/OD ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện N; xem xét nôi dung đơn khiếu nại, căn cứ Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011 và các tài liệu lưu trữ liên quan đất đai tại xã P.

Ngày 03/01/2023, ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X (con ruột ông Phạm Văn N1) tiếp tục làm đơn khiếu nại có nội dung: "Khiếu nại hành vi không thực hiện việc xác nhận nguồn gốc, tình trạng tranh chấp đất của Chủ tịch UBND xã P".

Ủy ban nhân dân xã P đã ban hành Giấy mời số 76/GM–UBND ngày 18/8/2023 đối với ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị X (Con ruột của ông Phạm Văn N1), có sự tham gia của trưởng thôn Lạc T2 để làm rõ các nội dung và giải quyết đơn khiếu nại theo ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 2703/UBND–TCD ngày 14/8/2023 của UBND huyện T.

Theo kết quả làm việc tại Biên bản làm việc ngày 22/8/2023 liên quan đến việc xác minh làm rõ nội dung đơn (ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị X chỉ cung cấp thông tin, nội dung đề nghị giải quyết khi làm việc nhưng không ký biên bản): (1) Hộ dân cho rằng nguồn gốc đất là do ông Phạm Văn N1 (cha ruột ông H và bà X) tặng cho ông H và bà X năm 2000, đất trên do ông Phạm Văn N1 và gia đình thực hiện khai hoang năm 1986 và sử dụng ổn định đến nay, diện tích khai hoang khoảng 08ha không có giấy tờ; (2) Không thống nhất Quyết định 1429/OĐ–UBND ngày 20/9/2004 của UBND huyện N ngày 25/10/2022 và ngày 20/4/2023 hộ gia đình có làm đơn đề nghị xác định nguồn gốc đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X nhưng không được UBND xã P; (4) Năm 2021 bà Phạm Thị X và chồng là Nguyễn Ngọc H1 thực hiện việc dựng chuồng dê bằng gỗ tạp trên phần đất thì bị UBND xã lập biên bản xử lý với lý do thửa đất trên do UBND xã P quản lý vào ngày 13/5/2021, gia đình không thống nhất với việc bị xử lý vi phạm hành chính vì cho rằng đất trên của hộ gia đình. Hộ gia đình kiến nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đối với phần đất được cha ruột là ông Phạm Văn N1 tặng cho năm 2000 và không thống nhất việc thực hiện thuê đất.

Từ kết quả kiểm tra, Ủy ban nhân dân xã P đã ban hành Thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với ông Phạm Văn H (Thông báo số 58/UBND–TB ngày 24/8/2023), bà Phạm Thị X (Thông báo số 59/UBND–TB ngày 24/8/2023) với lý do: Diện tích đất đai mà ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X (Con ruột của ông Phạm Văn N1) có đơn khiếu nại: "không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại và nội dung khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai" đối với ông Phạm Văn N1 đang thường trú tại thôn L, xã P, huyện T.

Qua rà soát, kiểm tra hồ sơ và các văn bản liên quan đến vị trí thửa đất theo nội dung "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp không giải quyết khiếu nại và không xác nhận nguồn gốc đất" của ông Pham Văn H3 và bà Pham Thị X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban nhân dân xã P không đồng ý việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp không giải quyết khiếu nại và không xác nhận nguồn gốc đất, về việc huỷ toàn bộ văn bản và buộc UBND xã P nguồn gốc đất theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ–CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 07/2025/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà) đã quyết định:

*"**Căn cứ:** Điều 30, Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng Hành chính, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính, Luật Đất đai năm 2003; Luật khiếu nại năm 2011; Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo năm 2004; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của* Ủy Ban T3 *quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X *về việc hủy Thông báo số 59/UBND-TB ngày 24/8/2023 của Chủ tịch* UBND xã P *về việc "Không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà* Phạm Thị X*".*

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H *về việc hủy Thông báo số 58/UBND-TB ngày 24/8/2023 của Chủ tịch* UBND xã P *về việc "Không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông* Phạm Văn H*".*

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông H*, bà* X *về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:*

- Hủy toàn bộ Văn bản số 3559/UBND-TCD ngày 19/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện T *về việc "Thông tin đơn của ông/bà* Phạm Văn H *và* Phạm Thị X*".*

- Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã P *nguồn gốc thửa đất có diện tích 02 ha thể hiện tại Quyết định 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch* UBND huyện N*".*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/5/2025, ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông H, bà X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào tài

liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Văn bản số 3559/UBND-TCD ngày 19/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc "Thông tin đơn của ông/bà Phạm Văn H và Phạm Thị X" và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã P nguồn gốc thửa đất có diện tích 02 ha thể hiện tại Quyết định 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện N là Văn bản có nội dung của quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý vụ án hành chính là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X về việc hủy Thông báo số 59/UBND-TB ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND xã P về việc "*Không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà* Phạm Thị X" và yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về việc hủy Thông báo số 58/UBND-TB ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND xã P về việc "*Không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông* Phạm Văn H":

Ngày 26/10/2022 và ngày 10/4/2023, hộ gia đình ông H và bà X làm đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X, nhưng không được UBND xã P. Do đó, ông Pham Văn H3 và bà Phạm Thị X khiếu nại UBND xã P về việc không thực hiện xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất. Ông H3, bà X cho rằng nguồn gốc đất là do ông Phạm Văn N1 (cha ruột ông H3 và bà X) tặng cho ông H3 và bà X năm 2000, đất trên do ông Phạm Văn N1 và gia đình thực hiện khai hoang năm 1986 và sử dụng ổn định đến nay, diện tích khai hoang khoảng 08ha không có giấy tờ.

Ngày 24/8/2023, Chủ tịch UBND xã P ban hành Thông báo số 58/UBND-TB và 59/UBND-TB về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H và không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị X.

Xét thấy, Thông báo số 58/UBND-TB và Thông báo số 59/UBND-TB cùng ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND xã P không thụ lý giải quyết khiếu nại, không đề ra kết luận đối với việc khiếu nại, không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân nên không phải là quyết định hành chính bị kiện và không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X, ông Phạm Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Thông báo số 58/UBND-TB và Thông báo số 59/UBND-TB cùng ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND xã P, là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu hủy toàn bộ Văn bản số 3559/UBND-TCD ngày 19/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc: "Thông tin đơn của ông/bà Phạm Văn H và Phạm Thị X"; yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã P nguồn gốc thửa đất có diện tích 02 ha thể hiện tại Quyết định 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện N:

Về nguồn gốc đất: thửa đất mà ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X khiếu kiện là diện tích 02 ha thuộc một phần thửa đất số 01, tờ Bản đồ địa chính số 41+44, xã P. Theo Bản đồ địa chính số 41+44 xã P và số mục kê đất đai (được xác lập ngày 05/3/1999), tại thửa đất số 01, thuộc tờ Bản đồ địa chính số 41+44, xã P: Bản đồ ghi: Hoang, số mục kê ghi: Nông trường Q có tổng diện tích 323.902 m².

Đối với phần diện tích 02 ha ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X yêu cầu xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng sử dụng đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: tại Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004, Chủ tịch UBND huyện N ban hành để giải quyết tranh chấp giữa ông Phạm Văn N1 và bà Lương Thị L2, có nội dung: "*Công nhận cho hộ bà* Lương Thị L2 *được quyền sử dụng lô đất có diện tích 10.000m², có vị trí nằm về hướng Đông của lô đất tranh chấp; Giao lô đất tranh chấp còn lại có diện tích 2 ha, có vị trí nằm về hướng Tây trong khu vực đất tranh chấp cho* Ủy ban nhân dân xã P *quản lý;* Ủy ban nhân dân xã P *có trách nhiệm quản lý số diện tích thửa đất nêu trên, đồng thời xem xét kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện giao cho những hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện và có nhu cầu về đất sản xuất*".

Sau khi Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004, ông Phạm Văn N1 tiếp tục gửi đơn lên UBND tỉnh N và được UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 1403/QĐ–UBND ngày 27/5/2005, có nội dung: "*Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông* Phạm Văn N1 *đối với Quyết định số 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch* UBND huyện N *"v/v giải quyết vụ tranh chấp đất sản xuất giữa hộ bà* Lương Thị L2 *với hộ ông* Phạm Văn N1 *tại* thôn L, xã P, huyện N", Quyết định nêu trên là quyết định có hiệu lực thi hành cuối cùng.

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N giải quyết khiếu nại xác định 02ha đất là do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, cũng như đề nghị giao đất cho hộ gia đình, cá nhân có đủ điều kiện và có nhu cầu sử dụng đất nhưng gia đình ông H không có đơn xin giao đất như đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Như vậy, hiện nay diện tích đất trên đang thuộc quyền quản lý sử dụng của Ủy ban nhân dân xã P nên việc ông H, bà X yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P nguồn gốc đất do cha của ông bà khai hoang là không có cơ sở.

Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Văn bản số 3559/UBND-TCD ngày 19/10/2023 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Toà án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông H, bà X về việc hủy toàn bộ Văn bản số 3559/UBND-TCD ngày 19/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện T; yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã P nguồn gốc thửa đất có diện tích 02

ha thể hiện tại Quyết định 1429/QĐ ngày 20/9/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà X không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X mỗi người phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2025/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà).

Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: buộc ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị X mỗi người phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0005895 và số 0005896 cùng ngày 11/6/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà).

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hoà